

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13/11/2018.

“V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chuyển- Cán bộ hưu.
Bà Nguyễn Thị Bích- Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXX-ST ngày 01/11/2018; giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị T - Sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn HP, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Anh Lai Wen S - Sinh năm 1961.

Địa chỉ: phường NV, Khu ĐK, thành phố ĐV, Đài Loan.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Do anh Đào Văn Q – Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn HP, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 18/9/2018 nguyên đơn là chị Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lai Wen S kết hôn ngày 30/8/2017 tại UBND huyện LN , tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh Lai Wen S được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khi chị đi lao động tại Đài Loan. Sau khi kết hôn thì anh Lai Wen S ở lại Việt Nam khoảng 10 ngày sau đó lại về Đài Loan để làm việc và sinh sống, còn chị vẫn ở Việt Nam.

Ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm nhau, nhưng do vợ chồng sống xa nhau lâu ngày không hiểu và thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung. Hiện nay vợ chồng đã cắt đứt liên lạc.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Lai Wen S .

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc nên tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lai Wen S được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lai Wen S .

Bị đơn là anh Lai Wen S trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân như chị T trình bày là đúng. Anh và chị T kết hôn ngày 30/8/2017 tại UBND huyện LN tỉnh Bắc Giang . Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn thì anh Lai Wen S ở lại Việt Nam khoảng 10 ngày sau đó lại về Đài Loan để làm việc và sinh sống, còn chị T vẫn ở Việt Nam. Ban đầu khi về Đài Loan thì anh và chị T thường xuyên gọi điện hỏi thăm nhau, sau đó ít dần do vợ chồng anh sống xa nhau lâu ngày không hiểu và thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung. Sau này thì anh và chị T ít khi liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay vợ chồng anh đã cắt đứt liên lạc.

Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Đặng Thị T được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị T. Anh cũng ủy quyền cho Đào Văn Q – Sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn HP, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho anh được biết.

Tại phiên tòa chị T và anh Lai Wen S đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị T, bản tự khai của anh Lai Wen S, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Chị Đặng Thị T và anh Lai Wen S đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị Đặng Thị Thoa, anh Lai Wen S.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Đặng Thị T là công dân có địa chỉ cư trú tại thôn HP, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, hiện chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lai Wen S. Anh Lai Wen S là bị đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, anh Lai Wen S có hộ khẩu tại địa chỉ: phường NV, Khu ĐK, thành phố ĐV, Đài Loan. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Lai Wen S kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/8/2017 tại UBND huyện LN, tỉnh Bắc Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì anh Lai Wen S ở lại Việt Nam khoảng 10 ngày sau đó lại về Đài Loan để làm việc và sinh sống, còn chị Đặng Thị T vẫn ở Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm nhau, nhưng do vợ chồng sống xa nhau lâu

ngày không hiểu và thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung nên tình cảm không còn, hiện nay vợ chồng đã cắt đứt liên lạc.

Cả hai đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Đặng Thị T xin ly hôn, anh Lai Wen S cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đặng Thị T và anh Lai Wen S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Đặng Thị T và anh Lai Wen S được ly hôn.

[4]. Về con chung: chị Đặng Thị T và anh Lai Wen S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Đặng Thị T và anh Lai Wen S khai không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đặng Thị T đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T được ly hôn anh Lai Wen S .

[2]. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số AA/2018/0000076 ngày 4/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.
Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo:

- Anh Lai Wen S hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Đặng Thị T hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND huyện LN ;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng